

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
ĐỌC 4**

**Số tín chỉ: 02**

**Trình độ đào tạo: Đại học chính quy**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**

**Năm 2016**

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**

- 1. Tên học phần:** Đọc 4
- 2. Mã học phần:** NNA 232
- 3. Số tín chỉ:** 2 (2,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Sinh viên đại học năm thứ 2
- 5. Phân bổ thời gian:**
  - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành.
  - Tự học: 60 giờ.
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần Đọc 3
- 7. Giảng viên**

<b>STT</b>	<b>Học hàm, học vị, họ tên</b>	<b>Số điện thoại</b>	<b>Email</b>
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Đặng Thị Thanh	08333.08338	dtthanh@saodo.edu.vn
3	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
4	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	seintang1510@gmail.com

### **8. Mô tả nội dung của học phần**

Học phần Đọc 4 cung cấp cho sinh viên những nội dung sau :

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng về chủ đề mối quan hệ gia đình, sức khỏe và sự cân đối, giáo dục, tự nhiên và môi trường, ngôn ngữ và giao tiếp, khoa học và công nghệ, việc làm và tài chính, tuổi thiếu niên, con người và nơi chốn, các kỳ nghỉ và du lịch, văn hóa và xã hội hiện đại.

Kỹ năng: Học phần cung cấp kiến thức và bài luyện tập các kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh theo định dạng đề thi IELTS.

### **9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

#### **9.1. Mục tiêu**

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
	Trình bày kiến thức về các chủ đề: mối quan hệ gia đình, sức khỏe và sự cân đối, giáo dục, tự nhiên và môi trường, ngôn ngữ và giao tiếp, khoa học và công nghệ, việc làm và tài chính, tuổi thiếu niên, con người và nơi chốn, các kỳ nghỉ và du lịch, văn hóa và xã hội hiện đại.	3	[1.2.1.2b]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Đọc hiểu và hình thành khả năng đọc trả lời dạng câu hỏi đọc hiểu ghép nối tiêu đề, đặc điểm, nối cuối câu và nối thông tin phù hợp ; điền thông tin vào sơ đồ và bảng biểu, hoàn thành các câu, dán nhãn sơ đồ và hoàn thành ghi chú, tóm tắt và lưu đồ về các chủ đề bài đọc.	4	[1.2.2.1]
MT2.2	Hình thành kỹ năng trả lời câu hỏi trả lời ngắn và câu hỏi đa lựa chọn, kỹ năng đọc xác định quan điểm hoặc tuyên bố của người viết ; nhận dạng thông tin, trả lời câu hỏi đúng/ sai/không có thông tin về các chủ đề bài học.	4	[1.2.2.1]
<b>MT3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

## **9.2. Chuẩn đầu ra**

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CDR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CDR học phần trong CTĐT</b>
<b>CDR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CDR1.1	Liệt kê được các từ vựng và giải thích nghĩa các từ về chủ đề mối quan hệ gia đình, sức khỏe và sự cân đối, giáo dục, tự nhiên và môi trường, ngôn ngữ và giao tiếp, khoa học và công nghệ, việc làm và tài chính, tuổi thiếu niên, con người và nơi chốn, các kỳ nghỉ và du lịch, văn hóa và xã hội hiện đại.	3	[2.1.5]
CDR1.2	Phân biệt được các kỹ thuật đọc lướt, đọc quét để tìm thông tin chính hay thông tin chi tiết.		[2.1.5]
<b>CDR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CDR2.1	Đọc hiểu và hình thành khả năng đọc trả lời dạng câu hỏi ghép nối tiêu đề, đặc điểm, nối cuối câu và nối thông tin phù hợp theo các chủ điểm.	4	[2.2.1]
CDR2.2	Đọc hiểu và hình thành khả năng đọc trả lời dạng câu hỏi điền thông tin vào sơ đồ và bảng biểu, hoàn thành các câu, dán nhãn sơ đồ và hoàn thành ghi chú, tóm tắt và lưu đồ theo các chủ điểm.	4	[2.2.1]
CDR2.3	Đọc hiểu và hình thành khả năng đọc trả lời dạng trả lời câu hỏi trả lời ngắn và câu hỏi đa lựa chọn.	4	[2.2.1]
CDR2.4	Đọc hiểu và hình thành khả năng đọc trả lời các dạng câu hỏi xác định quan điểm hoặc tuyên bố của người viết; nhận dạng thông tin, trả lời câu hỏi đúng/sai/ không có thông tin theo chủ điểm.	4	[2.2.1]
<b>CDR3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]
CDR3.4	Có khả năng tự nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị bài ở nhà, hoàn thành nhiệm vụ được giao.	4	[2.3.1]

## 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần									
		CDR1		CDR2				CDR3			
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3	CDR 3.4
1	Unit 1. Family matters	x	x	x				x	x	x	x
2	Unit 2. Healthcare	x	x		x			x	x	x	x
3	Unit 3. Getting an education	x	x			x		x	x	x	x
4	Unit 4. Water	x	x	x				x	x	x	x
5	Unit 5. Non-verbal clues	x	x			x		x	x	x	x
6	Unit 6. Scientists at work	x	x		x			x	x	x	x
7	Unit 7. The job market	x	x		x			x	x	x	x
8	Unit 8. Twenty-somethings	x	x				x	x	x	x	x
9	Unit 9. Community spirit	x	x	x				x	x	x	x
10	Unit 10. On the move	x	x				x	x	x	x	x
11	Unit 11. Cultural difference	x	x	x				x	x	x	x
12	Unit 12. General Review	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành đọc trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành đọc được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung bài đọc theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc.

- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (01 bài kiểm tra, thời gian làm bài 90 phút).

- Thi kết thúc học phần: Tự luận (01 bài thi, thời gian làm bài 90 phút).

## 12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.  
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Từ điển, vở ghi, bút.

## 13. Tài liệu phục vụ học tập

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Els Van Geyte (2013). *Reading for IELTS*, Nhà xuất bản Collins.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Pauline Cullen, Amanda French, Vanessa Jakeman, (2014) *The Official Cambridge Guide to IELTS*, Cambridge University Press.

## 14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
1	<p><b>Unit 1. Family matters</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề gia đình.</li> <li>- Đọc hiểu bài đọc chủ đề các vấn đề gia đình.</li> <li>- Nắm vững phương pháp đọc hiểu trả lời câu hỏi ghép nối tiêu đề.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>1.1. Vocabulary:</b> Family and relationships</p> <p><b>1.2. Practice exercises</b> Matching headings</p> <p><b>1.3. Exam practice</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Giao bài tập và nhận xét, đánh giá bài làm sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>Đọc trước tài liệu [1] Unit 1 trang 8-15, tài liệu [2] Đọc hiểu phần 1 trang 42-47.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ chủ đề gia đình, luyện tập kỹ năng đọc trả lời câu hỏi ghép nối tiêu đề.</li> <li>- Lắng nghe, quan sát, ghi chép và luyện đọc.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
2	<p><b>Unit 2. Healthcare</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề chăm sóc sức khỏe.</li> <li>- Đọc hiểu, sử dụng tốt phương pháp điền thông tin vào sơ đồ, bảng biểu.</li> <li>- Nắm vững phương pháp đọc tìm thông tin chi tiết.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>2.1. Vocabulary</b> Health and fitness</p> <p><b>2.2. Practice exercises</b> Completing tables and diagram</p> <p><b>2.3. Exam practice</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên sử dụng kỹ năng đọc điền thông tin sơ đồ, bảng biểu.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>Đọc trước tài liệu: [1] trang 16-23. [2] trang 48-50.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi chép, luyện phát âm.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			- Tra từ chủ đề chăm sóc sức khỏe, luyện tập kỹ năng đọc điền thông tin vào sơ đồ và bảng biểu.	
3	<p><b>Unit 3. Getting an education</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề giáo dục.</li> <li>- Đọc hiểu và sử dụng thành thạo từ vựng chủ đề giáo dục đối với dạng bài đọc hiểu trả lời câu hỏi ngắn.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>3.1. Vocabulary:</b> Education</p> <p><b>3.2. Practice exercises</b> Answering short-answer questions</p> <p><b>3.3. Exam practice</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên đọc bài trả lời câu hỏi ngắn.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ chủ đề giáo dục, luyện kỹ năng trả lời câu hỏi ngắn trang 24-33 tài liệu [1].</li> <li>- Luyện đọc bài đọc trang 55-58 tài liệu [2].</li> <li>- Quan sát, ghi chép.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.3, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
4	<p><b>Unit 4. Water</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề nước.</li> <li>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp đọc ghép nối cuối câu.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>4.1. Vocabulary</b> Nature and the environment</p> <p><b>4.2. Practice exercises</b> Matching sentence endings</p> <p><b>4.3. Exam practice</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Giảng giải cách làm dạng bài ghép nối cuối câu.</li> <li>- Giao bài tập và nhận xét, đánh giá bài làm sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ chủ đề nước, luyện kỹ năng đọc ghép nối cuối câu trang 34-41 tài liệu [1].</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.



STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			- Luyện đọc trang 59-63 tài liệu [2]	
5	<p><b>Unit 5. Non-verbal clues</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề dấu hiệu phi ngôn ngữ.</li> <li>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp đọc trả lời câu hỏi đa lựa chọn.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>5.1. Vocabulary</b></p> <p>Language and communication</p> <p><b>5.2. Practice exercises</b></p> <p>Answering multiple-choice questions</p> <p><b>5.3. Exam practice</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, thảo luận</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Giảng giải cách đọc trả lời câu hỏi đa lựa chọn.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, ghi chép, thực hiện yêu cầu được giao.</li> <li>- Tra từ chủ đề dấu hiệu phi ngôn ngữ, luyện tập kỹ năng đọc trả lời câu hỏi đa lựa chọn trang 42-49 tài liệu [1].</li> <li>- Luyện đọc bài đọc trang 64-67 tài liệu [2].</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.3, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
6	<p><b>Unit 6. Scientists at work</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề các nhà khoa học tại nơi làm việc.</li> <li>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp hoàn thành các câu, dán nhãn sơ đồ.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>6.1. Vocabulary:</b> Science and technology</p> <p><b>6.2. Practice exercises</b></p> <p>Completing sentences and</p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Giảng giải phương pháp hoàn thành các câu và dán nhãn sơ đồ.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>diagram labels</p> <p><b>6.3. Exam practice</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, ghi chép, thực hiện yêu cầu được giao.</li> <li>- Tra từ chủ đề các nhà khoa học tại nơi làm việc, luyện tập kỹ năng đọc phương pháp hoàn thành các câu đán nhãn sơ đồ trang 50-59 tài liệu [1].</li> <li>- Luyện đọc bài đọc trang 70-72 tài liệu [2].</li> </ul>	
7	<p><b>Unit 7. The job markets</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng chủ đề thị trường việc làm.</li> <li>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp hoàn thành ghi chú, tóm tắt lưu đồ.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>7.1.Vocabulary:</b> Employment and finances</p> <p><b>7.2. Practice exercises</b> Completing notes, summaries, flow charts</p> <p><b>7.3. Exam practice</b></p> <p><b>Kiểm tra giữa học phần</b></p>	4 (2LT, 0TH 2KT)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, ghi chép, thực hiện yêu cầu được giao.</li> <li>- Tra từ chủ đề thị trường việc làm, luyện tập kỹ năng đọc hoàn thành ghi chú, tóm tắt và lưu đồ trang 60-67 tài liệu [1].</li> <li>- Luyện đọc bài đọc trang 73-76 tài liệu [2]</li> <li>- Ôn tập các nội dung từ unit 1 đến unit 7.</li> <li>- Sinh viên làm bài kiểm tra giữa học phần.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
8	<p><b>Unit 8. Twenty-somethings</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề tuổi hai mươi.</li> </ul>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> </ul>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.4, CDR3.1, CDR3.2,

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
	<p>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp nhận dạng thông tin, trả lời câu hỏi đúng/sai/không có thông tin trong bài.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>8.1. Vocabulary:</b> Youth</p> <p><b>8.2. Practice exercises</b></p> <p>Identifying information; Answering true/false/not given questions</p> <p><b>8.3. Exam practice</b></p>		<p>- Luyện phát âm chuẩn từ.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc nhận dạng thông tin, trả lời câu hỏi đúng/sai/không có thông tin.</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>- Quan sát, ghi chép, thực hiện yêu cầu được giao.</p> <p>- Tra từ chủ đề tuổi hai mươi, luyện tập kỹ năng đọc trang 68-77 tài liệu [1].</p> <p>- Luyện đọc bài đọc trang 78-82 tài liệu [2].</p>	CDR3.3, CDR3.4.
9	<p><b>Unit 9. Community spirit</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <p>- Trình bày từ vựng theo chủ đề tinh thần cộng đồng.</p> <p>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp nối thông tin phù hợp.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>9.1. Vocabulary:</b></p> <p>People and places</p> <p><b>9.2. Practice exercises</b></p> <p>Matching information</p> <p><b>9.3. Exam practice</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, thảo luận, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <p>- Giải thích nghĩa từ vựng.</p> <p>- Luyện phát âm chuẩn từ.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên kỹ năng nối thông tin phù hợp.</p> <p>- Giao bài tập cho sinh viên.</p> <p>- Nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.</p> <p><b>Sinh viên:</b></p> <p>- Quan sát, ghi chép, thực hiện yêu cầu được giao.</p> <p>- Tra từ chủ đề tinh thần cộng đồng, luyện tập kỹ năng đọc và làm bài tập nối thông tin trang 78-85 tài liệu [1].</p> <p>- Luyện đọc bài đọc trang 83-</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			90 tài liệu [2].	
10	<p><b>Unit 10. On the move</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng về chủ đề di chuyển.</li> <li>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp đọc xác định quan điểm hoặc tuyên bố của người viết; Trả lời câu hỏi có / không / không có thông tin.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>10.1. Vocabulary</b> Holidays and travel</p> <p><b>10.2. Practice exercises</b> Identifying writers' views or claim; Answering yes/no/not given questions</p> <p><b>10.3. Exam practice</b></p>	2 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, thảo luận, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc xác định quan điểm, tuyên bố của người viết; Trả lời câu hỏi có/ không/không có thông tin.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, ghi chép, thực hiện yêu cầu được giao.</li> <li>- Tra từ chủ đề di chuyển, luyện tập kỹ năng đọc trang 86 -93 tài liệu [1].</li> <li>- Luyện đọc bài đọc trang 154 -172 tài liệu [2].</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.
11	<p><b>Unit 11. Cultural difference</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng theo chủ đề sự khác biệt văn hóa.</li> <li>- Đọc hiểu và sử dụng phương pháp ghép nối đặc điểm.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>11.1. Vocabulary:</b> Culture and modern society</p> <p><b>11.2. Practice exercises</b> Matching features</p> <p><b>11.3. Exam practice</b></p>	4 (2LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải, thảo luận, tổ chức học theo nhóm</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích nghĩa từ vựng.</li> <li>- Luyện phát âm chuẩn từ.</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên kỹ năng đọc ghép nối đặc điểm.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, ghi chép, thực hiện</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

STT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy - học	CDR học phần
			<p>yêu cầu được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ chủ đề về tội ác, luyện tập kỹ năng đọc ghép nối đặc điểm trang 94-101 tài liệu [1].</li> <li>- Luyện đọc bài đọc trang 173 -189 tài liệu [2].</li> </ul>	
12	<p><b>General Review</b></p> <p><b>Mục tiêu bài:</b> Thực hành đọc hiểu, ôn tập từ vựng và các kỹ đọc hiểu đã được học.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> Practice Test</p>	4 (4LT, 0TH)	<p><b>Thuyết trình, giảng giải</b></p> <p><b>Giảng viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kiến thức ngữ pháp, từ vựng bài 1 đến 11.</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên kỹ năng làm bài thi.</li> <li>- Giao bài tập cho sinh viên.</li> <li>- Nhận xét đánh giá bài làm của sinh viên.</li> </ul> <p><b>Sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, ghi chép, thực hiện yêu cầu được giao.</li> <li>- Thực hành kỹ năng làm bài thi trang 102-113 tài liệu [1].</li> <li>- Ôn tập kiến thức về kỹ năng đọc hiểu tài liệu [2].</li> </ul>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR2.3, CĐR2.4, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3, CĐR3.4.

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phi Đăng Tuệ

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



Hoàng Đức Đoàn



Trịnh Thị Chuyên